

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/HS – ST**
Ngày: 05 - 3 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Mùi

Ông Hà Văn Tý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/TLST - HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 02 năm 2021 đối với:

- Bị cáo: Phạm Thị N, sinh năm 1962; tại: huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ 05, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá (học vấn): 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M (đã chết) và bà Mã Thị H (đã chết); có chồng là Sầm Văn C và 03 con, con lớn sinh năm 1982 và con nhỏ sinh năm 1988; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 17 – 11 – 2020 và bị tạm giam từ ngày 19 – 11 – 2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. (có mặt).

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 08, phường T, thị xã L, tỉnh Yên Bái. (vắng mặt).

Anh Hà Quang T, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 17 – 11 - 2020, Phạm Thị N đang ở nhà; tại: Tổ 05, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái thì Nguyễn Tiến D và Hà Quang T đến nhà N. Khi vào nhà N thì D nói với N “Đề cho con 200.000 đồng”, N hỏi lại D “Cái gì” thì D nói

là ma túy, N đồng ý. D đưa cho N 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, N cầm tiền của D cho vào túi vải màu đỏ rồi để túi xuống đất và đi vào trong buồng lấy ở trong túi ni lon màu trắng ra 02 gói heroine được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ đưa cho D. D cầm 02 gói heroine cho vào túi quần bên phải đang mặc trên người và cùng Trung ngồi hút thuốc lá ở bàn uống nước dưới bếp nhà N thì bị Công an thị trấn S đến kiểm tra. Qua kiểm tra: Thu giữ của Phạm Thị N 01 túi vải màu đỏ sẫm bên trong túi vải có 300.000 đồng, gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. N khai tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng là tiền D vừa đưa để mua 02 gói heroine. Thu giữ tại túi quần phía trước bên phải Nguyễn Tiến D đang mặc 02 gói giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong các gói giấy này đều chứa chất bột nén màu trắng nghi là heroine. D khai đó là 02 gói heroine vừa mua của N. Hồi 11 giờ 00 phút ngày 17 – 11 - 2020 Công an thị trấn S đã tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng đối với Phạm Thị N và Nguyễn Tiến D.

Hồi 12 giờ 30 phút ngày 17 – 11 - 2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành khám xét chỗ ở của Phạm Thị N. Kết quả khám xét đã thu giữ trong lòng chậu nhôm ở góc buồng ngủ của Phạm Thị N 01 gói ni lon màu trắng bên trong có 12 gói giấy màu trắng, có dòng kẻ, bên trong các gói giấy đều có chứa chất bột nén màu trắng, nghi là heroine.

Kết quả điều tra: Nguyễn Tiến D khai nhận ngày 17 – 11 - 2020 đã mua ma túy heroine của Phạm Thị N để sử dụng như lời khai của N nêu trên.

Về nguồn gốc số ma túy heroine mà Phạm Thị N có để bán cho Nguyễn Tiến D và cất giấu trong buồng ngủ, N khai: Sáng ngày 17 – 11 - 2020 Sầm Văn H , sinh năm 1982 là con đẻ của N và ở cùng nhà với N. H đã đưa cho N 01 túi ni lon bên trong có các gói heroine nói là cất hộ để tối H về sử dụng nếu ai hỏi mua thì bán 100.000 đồng/01 gói. N đồng ý và đem cất giấu túi ni lon đựng các gói heroine trong buồng ngủ.

- Tại bản kết luận giám định số 283/KLGD ngày 23 – 11 - 2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: Toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) gửi giám định đều là tiền do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam phát hành.

- Tại bản kết luận giám định số 186/GĐMT ngày 24 – 11- 2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

1. Chất bột nén màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Tiến D có tổng khối lượng là: 0,05 gam (không phải không năm gam); 0,05 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

2. Chất bột nén màu trắng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Phạm Thị N có tổng khối lượng là: 0,66 gam (không phải sáu sáu gam); 0,08 gam trích ra từ 0,66 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine

Heroine nằm trong Danh mục I, STT: 9, Nghị định 73/2018/NĐ - CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Không hoàn lại đối tượng giám định.

* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các Bản kết luận giám định nêu trên.

- Bản Cáo trạng số: 04/CT – VKS - VC ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái, truy tố bị cáo Phạm Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 251 của Bộ luật Hình sự

* Bị cáo không khiếu nại gì đối với bản Cáo trạng và quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phạm Thị N khai nhận rõ ràng, đầy đủ về hành vi phạm tội của mình và vật chứng cũng như tài sản tạm giữ, thu giữ nêu trên. Đối với số tiền thu giữ là 300.000 đồng thì có 200.000 đồng thu được do bán ma túy cho Nguyễn Tiến D còn lại 100.000 đồng là tiền do bán trứng mà có, bị cáo đề nghị trả lại cho bị cáo 100.000 đồng. Chiếc túi vải màu đỏ sẫm bị thu giữ thì bị cáo không nhận lại.

- Kiểm sát viên trình bày luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Thị N được nêu trong Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị N phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Phạm Thị N.

3. Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 0,58 gam (*không thấy năm mươi tám gam*) ma túy (heroin) đã được niêm phong trong một phong bì thư do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. 03 (*ba*) vỏ phong bì đã mở niêm phong, các mảnh giấy gói và 01 túi ni lon màu trắng. 01 (*một*) túi vải màu đỏ sẫm đã cũ.

- Tịch thu của Phạm Thị N số tiền bán ma túy ngày 17 – 11 - 2020 cho Nguyễn Tiến D là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho Phạm Thị N số tiền 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Bị cáo Phạm Thị N phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận đối đáp gì với Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ và án phí trong vụ án.

- Bị cáo Phạm Thị N nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện V, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy

tổ đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Phạm Thị N tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang và vật chứng thu giữ được trong vụ án; Phù hợp với lời khai của Nguyễn Tiến D và Hà Quang T; Phù hợp với bản Kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố Phạm Thị N. Từ đó đã có cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại nhà ở của Phạm Thị N, thuộc: Tổ 05, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Phạm Thị N đã thực hiện hành vi bán trái phép cho Nguyễn Tiến D 02 gói ma túy (heroin) có tổng khối lượng là 0,05 gam với giá 200.000 đồng. Ngoài ra Phạm Thị N còn cất giấu tại buồng ngủ của mình 12 gói ma túy (heroin) có tổng khối lượng là 0,66 gam với mục đích có ai hỏi mua thì sẽ bán để thu lợi bất chính.

Bị cáo Phạm Thị N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức được tác hại nguy hiểm của chất ma túy gây ra đối với xã hội và biết việc mua bán ma túy là vi phạm pháp luật. Nhưng với động cơ và mục đích để nhằm thu lợi nhuận bất chính nên bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi nêu trên đây của bị cáo Phạm Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hội đồng xét xử: Chấp nhận nội dung Cáo trạng và đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa kết tội bị cáo Phạm Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:* Hành vi của bị cáo Phạm Thị N đã vi phạm các quy định của Nhà nước về chế độ quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng không tốt đến đời sống xã hội và sức khỏe con người, làm cho tệ nạn nghiện chất ma túy gia tăng. Đó còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương, tội phạm mà bị cáo gây ra là tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị N đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng đối với bị cáo khi xem xét quyết định hình phạt.

[6] *Về nhân thân:*

Bị cáo Phạm Thị N trước khi phạm tội là người không có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước nên có thể nhận xét bị cáo N là người có nhân thân tốt.

[7] Từ những nhận định trên đây và căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự, xét thấy cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo Phạm Thị N

đã thực hiện. Đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, góp phần răn đe, giáo dục người khác ý thức tuân thủ pháp luật và nhằm mục đích đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Quá trình điều tra xác minh và tại phiên tòa đã cho thấy bị cáo Phạm Thị N không có tài sản riêng. Bị cáo sống trong gia đình thuộc diện hộ cận nghèo nên việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là không khả thi. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N.

[9] *Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ*:

+ Khối lượng ma túy (heroin) thu giữ của Nguyễn Tiến D là 0,05 gam (*không thấy không năm gam*). Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã lấy toàn bộ khối lượng ma túy thu giữ của Nguyễn Tiến D để giám định và không hoàn lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Khối lượng ma túy (heroin) thu giữ của Phạm Thị N có tổng khối lượng là 0,66 gam (*không thấy sáu sáu gam*). Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã trích ra 0,08 gam (*không thấy không tám gam*) từ 0,66 gam để làm mẫu giám định và không hoàn lại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khối lượng ma túy (heroin) còn lại là 0,58 gam (*không thấy năm tám gam*) đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái hoàn lại cho cơ quan trưng cầu giám định và được niêm phong trong một phong bì thư do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Mặt trước phong bì có ghi: Vật chứng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Phạm Thị N, tại: Tổ 05, thị trấn S ngày 17/11/2020 (sau khi trích mẫu giám định). Mặt sau phong bì các mép được dán kín có họ tên, chữ ký của Lê Minh D, Nguyễn Đức H, Đàm Thị T, Nguyễn Xuân L, Phạm Thị N, Nguyễn Tiến D và 04 dấu hình tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái. Xét thấy 0,58 gam (*không thấy năm mươi tám gam*) ma túy (heroin) là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đối với: 03 (*ba*) vỏ phong bì đã mở niêm phong, toàn bộ các mảnh giấy gói và 01 (*một*) túi nilon màu trắng. Xét thấy đây là những vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đối với 01 (*một*) túi vải màu đỏ sẫm, cũ đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Thị N. Xét thấy đây là vật không liên quan đến việc tội phạm của bị cáo N. Nhưng tại phiên tòa bị cáo N không yêu cầu được nhận lại chiếc túi vải này vì vậy cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đối với số tiền thu giữ của bị cáo Phạm Thị N là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã được niêm phong trong một phong bì thư do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. Mặt trước phong bì ghi vật chứng tiền thu giữ thu giữ khi bắt quả tang Phạm Thị N, tại: Tổ 05, thị trấn S ngày 17/11/2020 (sau khi giám định)” ... Xét thấy trong số tiền 300.000 đồng này thì có 200.000 đồng bị cáo N có được từ việc bán ma túy cho Nguyễn Tiến D vào ngày 17 – 11 - 2020 là tiền do bị cáo N phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại là 100.000 đồng không chứng minh được là tiền do bị cáo N phạm tội mà có nên cần trả lại cho bị cáo N.

Số tiền tịch thu và trả lại được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] *Về án phí*: Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Bị cáo Phạm Thị N phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

[11] Các ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa có căn cứ pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử đều được xem xét chấp nhận.

[12] Trong vụ án này:

- Đối với Nguyễn Tiến D là người đã mua 02 gói ma túy (heroin) có tổng khối lượng là 0,05 gam của Phạm Thị N để sử dụng và đã bị bắt quả tang. Kết quả điều tra xác định Nguyễn Tiến D chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về các tội phạm ma túy và chưa bị kết án về tội phạm ma túy theo quy định của Bộ luật Hình sự. Hành vi tàng trữ trái phép 0,05 gam ma túy (heroin) của Nguyễn Tiến D cũng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự. Vì vậy Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Tiến D là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Sầm Văn H là con ruột của Phạm Thị N, theo lời khai của N thì nguồn gốc số ma túy mà N có để bán cho Nguyễn Tiến D và bị thu giữ khi khám xét nơi ở của N là do H đưa cho N vào sáng ngày 17 – 11 – 2020 rồi nói nếu ai hỏi mua thì bán. Quá trình điều tra thì Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập Sầm Văn H nhưng H vắng mặt tại địa phương, ngoài lời khai của N thì không còn chứng cứ nào khác để chứng minh nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Trường. Do đó Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ đối với Sầm Văn H, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Thị N**, phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Phạm Thị N **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 17 tháng 11 năm 2020.

3. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 0,58 gam (*không phải năm mươi tám gam*) ma túy (heroin) đã được niêm phong trong một phong bì thư do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành. 03 (*ba*) vỏ phong bì đã mở niêm phong, các mảnh giấy gói. 01 (*một*) túi ni lon màu trắng và 01 (*một*) túi vải màu đỏ sẫm.

- Tịch thu của Phạm Thị N số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho Phạm Thị N số tiền 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*).

Các vật chứng và tài sản tạm giữ nêu trên đã được Công an huyện V, tỉnh Yên Bái bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29 tháng 01 năm 2021.

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Bị cáo Phạm Thị N phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Bị cáo;
- Công an huyện V;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện V;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Chi cục THADS huyện V;
- Chi cục Hải quan tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Đức Thúy